

**THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH**  
**Tuần 03 (15-19/01/2024)**

**CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN**

**Kinh tế - tài chính thế giới**

Triển vọng kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm nhưng thị trường lao động và điều kiện tài chính sẽ lỏng hơn trong năm 2024;

Mỹ: Kỳ vọng lạm phát giảm xuống mức thấp nhất 3 năm; Doanh số bán lẻ tăng 0,6%; Sản lượng công nghiệp vẫn nhích lên;

Trung Quốc: Tăng trưởng kinh tế năm 2023 đạt 5,2%; Thất nghiệp 2023 giảm còn 5,2%; Doanh số bán lẻ tháng 12/2023 tăng 7,4%; FDI năm 2023 giảm 8% yoy; Sản lượng công nghiệp tháng 12/2023 tăng mạnh nhất trong vòng 22 tháng;

Nhật Bản: Lạm phát tháng 12/2023 tụt xuống mức thấp nhất 17 tháng; Sản lượng công nghiệp giảm lần đầu tiên sau 3 tháng;

OPEC giữ nguyên dự báo về nhu cầu dầu toàn cầu tăng trưởng tương đối mạnh vào năm 2024;

FED có thể bắt đầu hạ lãi suất vào quý 3/2024;

ECB có thể có 5 đợt cắt giảm tới 140 điểm cơ bản.

**Kinh tế - tài chính Việt Nam**

Quốc hội khóa XV thông qua dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi);

Chỉ thị 01/CT-NHNN và nhiệm vụ của ngành ngân hàng TPHCM năm 2024;

Phối hợp thanh tra, giám sát thị trường vàng;

Lãi suất VND liên ngân hàng có sự phân hóa, và duy trì thấp với kỳ hạn qua đêm; tỷ giá VND/USD có xu hướng tăng;

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 9.258 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;

Thanh khoản các sàn đạt bình quân 15.833 tỷ đồng/phiên; khối ngoại đã mua ròng trên 3 sàn hơn 953 tỷ VND cổ phiếu trên TTCK tuần qua.

## A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

### I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

**Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng**

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	0,14	-3,61	4,09	-6,09
1 Tuần	0,23	-6,81	7,62	-15,01
2 Tuần	0,46	-7,52	8,17	-16,47
1 Tháng	1,28	-3,36	7,02	-12,9
3 Tháng	3,06	-3,09	9,39	-13
6 Tháng	4,33	2,35	7,97	-8,57
9 Tháng	5,74	-18,26	31,93	-44,6

**Bảng 2. Thị trường mở**

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
15/01/2024	7		0/0	0	0
16/01/2024	7		0/0	0	0
17/01/2024	7		0/0	0	0
18/01/2024	7		0/0	0	0
19/01/2024	7		0/0	0	0

*Ghi chú: Ngày áp dụng 18/01/2024*

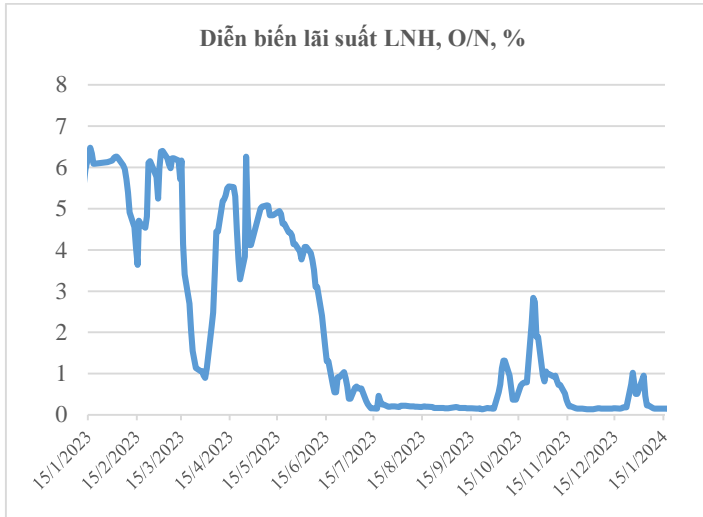
**Bảng 3: Trái phiếu chính phủ**

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 3 (15-19/01/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,92		1,54			
Tỷ lệ trúng thầu		45%		40%			
<b>Chi tiết gọi thầu</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>			
1	3 Năm						
2	5 Năm	2.750		1.500			
3	7 Năm						
4	10 Năm	8.000		3.000			
5	15 Năm	8.000		3.000			
6	20 Năm						
7	30 Năm	1.750		750			
	<b>Tổng</b>	<b>20.500</b>		<b>8.250</b>			
<b>Chi tiết đặt thầu</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất BQ (%)</b>	<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất (%)</b>		
1	3 Năm						
2	5 Năm	7.132	1,34	3.782	1,34		
3	7 Năm						
4	10 Năm	15.302	2,08	3.487	2,08		
5	15 Năm	12.666	2,28	3.617	2,3		
6	20 Năm						
7	30 Năm	4.300	2,85	1.800	2,85		
	<b>Tổng</b>	<b>39.400</b>		<b>12.686</b>			
<b>Chi tiết trúng thầu</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất BQ (%)</b>	<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất (%)</b>	<b>So với tuần trước</b>	<b>So với đầu năm 2024</b>
1	3 Năm						
2	5 Năm	1.766	1,39	1.016	1,39	-0,11	-0,11
3	7 Năm						
4	10 Năm	3.786	2,15	786	2,2	+0,05	+0,05
5	15 Năm	3.156	2,35	967	2,4	+0,05	+0,05
6	20 Năm						
7	30 Năm	550	2,85	550	2,85	-0,15	-0,15
	<b>Tổng</b>	<b>9.258</b>		<b>3.319</b>			

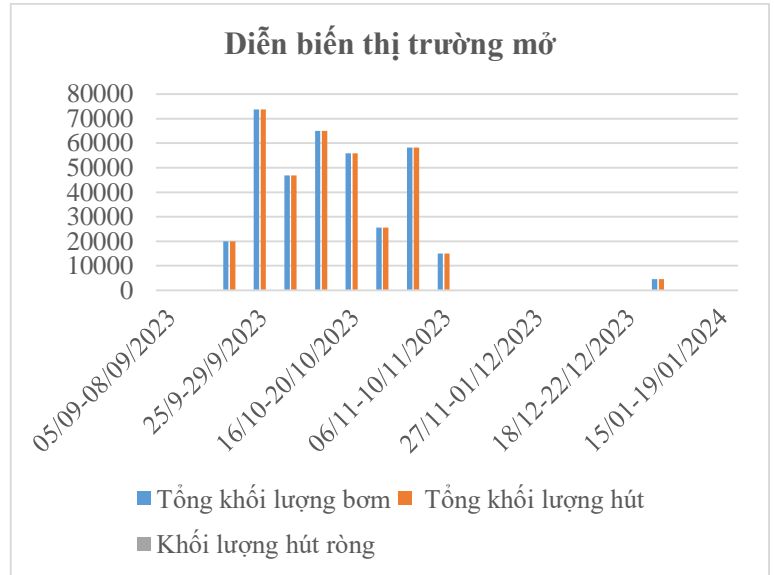
*Nguồn: HNX, LS (min)*

### II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

## 2.1. Thị trường tiền tệ

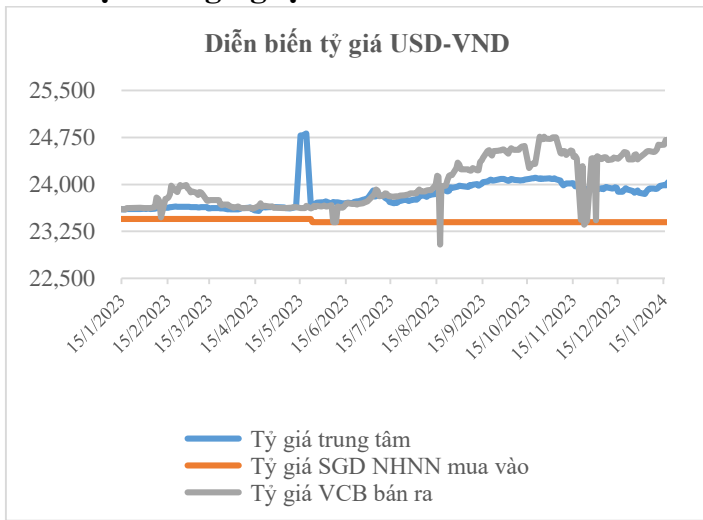


Nguồn: NHNN

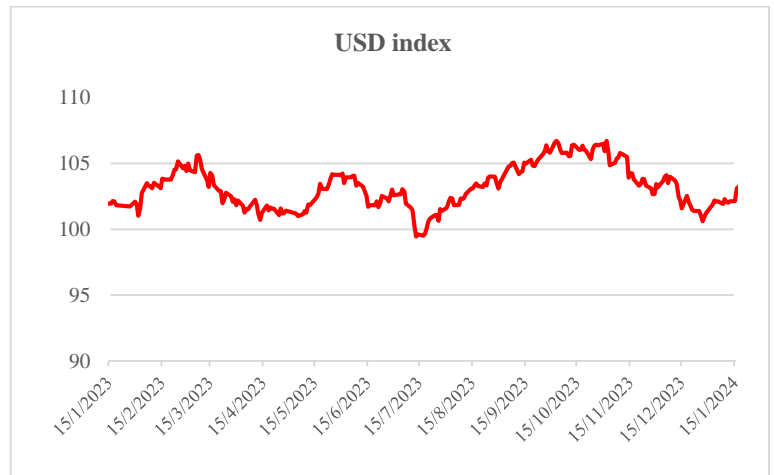


Nguồn: NHNN

## 2.2. Thị trường ngoại hối

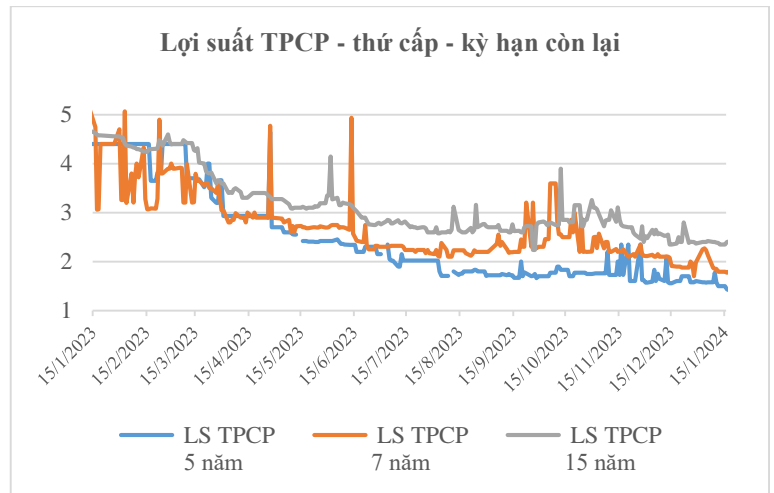
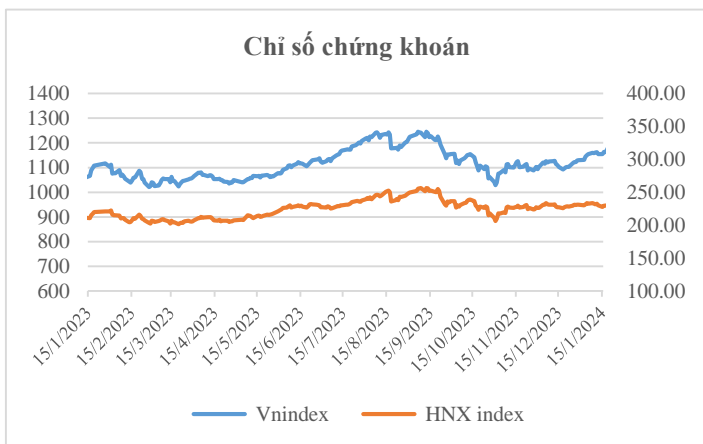


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

## 2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

### III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 03 (15-19/01/2024)

#### 3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	31/01/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	25/01/2024
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	23/01/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/08/2022	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	06/02/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	02/02/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	NA
BI	Indonesia	6.00%	5.75%	19/10/2023	NA
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	24/01/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	07/02/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	16/02/2024

#### 3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo W	+/_% theo M	+/_% YoY
EURUSD	1.08975	-0.47%	-0.37%	0.39%
GBPUSD	1.27031	-0.38%	0.52%	2.50%
AUDUSD	0.65950	-1.35%	-1.99%	-5.33%
USDJPY	148.168	2.26%	3.21%	14.35%
USDCNY	7.20147	0.17%	0.72%	6.19%
USDCAD	1.34267	0.14%	0.45%	0.35%
USDRUB	88.1705	0.24%	-1.65%	29.20%
USDKRW	1333.66	1.56%	2.35%	8.53%
DXY	103.230	0.81%	0.80%	1.19%
USDTHB	35.5000	1.84%	1.52%	8.73%
USDSGD	1.34032	0.69%	0.59%	1.61%

#### 3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% W	+/_% M	+/_% YoY
United States	4.1302	0.18%	0.25%	0.65%
United Kingdom	3.9290	0.13%	0.40%	0.55%
Japan	0.6710	0.08%	0.12%	0.27%
Australia	4.2990	0.21%	0.22%	0.88%
Germany	2.3050	0.16%	0.33%	0.13%
China	2.5050	-0.02%	-0.14%	-0.48%
Singapore	2.9530	0.15%	0.20%	0.11%
South Korea	3.4230	0.11%	0.15%	0.14%
Taiwan	1.2370	-0.02%	0.02%	-0.01%
Thailand	2.7700	0.04%	0.04%	0.29%
Vietnam	2.3760	0.05%	0.02%	-2.39%
Hong Kong	3.6380	0.14%	0.26%	0.59%
Indonesia	6.6010	-0.06%	0.10%	-0.03%
Malaysia	3.8390	0.02%	0.11%	0.10%
Philippines	6.2210	-0.07%	0.25%	0.07%

#### 3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	+0.72%	+1.23%	+0.46%	+13.45%	+21.45%
S&P 500	+1.17%	+1.96%	+1.47%	+21.83%	+25.61%
Nasdaq	+2.26%	+2.32%	+2.00%	+37.44%	+13.16%
DAX	-0.89%	-0.79%	-1.17%	+10.12%	+19.04%
FTSE 100	-2.14%	-3.03%	-3.51%	-3.97%	+11.12%
CAC 40	-1.25%	-2.64%	-2.27%	+5.37%	+31.85%
Euro Stoxx 50	-0.72%	-1.70%	-1.63%	+7.96%	+22.92%
Nikkei 225	+1.09%	+8.52%	+7.47%	+35.44%	+25.06%
Shanghai	-1.72%	-2.96%	-4.80%	-13.25%	-21.79%
Hang Seng	-5.76%	-7.90%	-10.20%	-30.56%	-48.85%
SET	-2.19%	-1.59%	-2.35%	-17.57%	-8.66%
KOSPI	-2.07%	-4.90%	-6.87%	+3.23%	-21.77%
IDX Com	-0.19%	+0.25%	-0.62%	+5.13%	+12.68%
PSEi	-2.10%	+0.53%	+0.83%	-7.84%	-8.92%

#### 3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Crude Oil USD/Bbl	73.250	0.78%	-1.31%	-10.55%
Natural gas USD/MMBtu	2.5176	-24.01%	7.27%	-16.91%
Gasoline USD/Gal	2.1714	2.41%	-1.62%	-22.44%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2029.48	-0.94%	0.01%	5.34%
Silver USD/t.oz	22.609	-2.41%	-6.30%	-5.59%
Lithium CNY/T	95500	0.00%	-2.05%	-80.00%
Platinum SD/t.oz	899.50	-0.67%	-6.17%	-13.78%

3. Khoáng sản	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Copper USD/Lbs	3.7870	1.26%	-2.81%	-10.92%
Steel CNY/T	3878.00	1.57%	0.49%	-5.99%
Iron Ore USD/T	129.00	-5.84%	-4.44%	3.61%
Aluminum USD/T	2178.00	-1.87%	-2.81%	-16.57%
Tin USD/T	25233	3.27%	1.66%	-13.29%
Zinc USD/T	2473.00	-1.63%	-3.89%	-27.70%
Nikel USD/T	15918	-1.61%	-3.63%	-45.39%
Coal USD/T	128.90	-1.41%	-11.26%	-64.54%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 20/01/2024

## B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

### B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

#### I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

##### Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

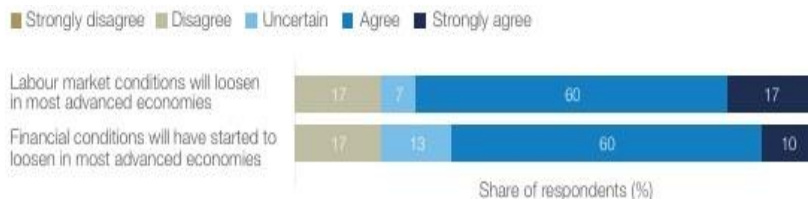
##### Kinh tế toàn cầu 2024 sẽ suy giảm

Kết quả khảo sát các nhà kinh tế trưởng về triển vọng 2024:

- *Triển vọng kinh tế suy giảm*
- *Thị trường lao động và điều kiện tài chính sẽ lỏng hơn trong năm 2024.*

56% dự báo nền kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm vào năm 2024;

77% dự báo thị trường lao động và 70% dự báo điều kiện tài chính sẽ nói lỏng.



Lạm phát toàn cầu sẽ tiếp tục giảm, kỳ vọng năm 2024 giảm còn 4,8% từ mức 5,9% (2023) và 9,2% (2022).

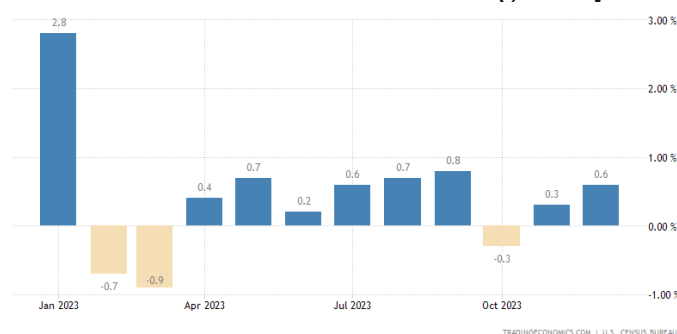
Lạm phát lõi cũng giảm tốc xuống còn 4,5% năm 2024.

*Nguồn: Báo cáo đánh giá triển vọng của các nhà kinh tế trưởng của Diễn đàn kinh tế thế giới 2024 (WEF Davos 2024)*

##### Kỳ vọng lạm phát giảm thấp



##### Doanh số bán lẻ đã dần tăng trở lại



##### Mỹ:

##### Kỳ vọng lạm phát giảm xuống mức thấp nhất 3 năm

Chỉ số đo Kỳ vọng lạm phát của Đại học Michigan tháng 1/2024 giảm còn 2,9% từ mức 3,1% tháng 12/2023 cho thấy kỳ vọng lạm phát theo xu hướng giảm về khoảng 2,3% - 3% của giai đoạn bắt đầu dịch Covid-19.

Triển vọng làm phát 5 năm tới cũng giảm còn 2,8%.

**Doanh số bán lẻ tháng 12/2023 tăng 0,6% mom/0,3%/0,4%.** Đây là mức tăng nhiều nhất trong vòng 3 tháng gần đây. Cả năm 2023, doanh số bán lẻ đã tăng 3,2%. Chỉ số niềm tin tiêu dùng của Đại học Michigan cũng tăng lên 78,8 điểm, tăng mạnh so với mức 69,7 điểm trong tháng 12/2023 và dự báo (70 điểm).

**Sản lượng công nghiệp tháng 12/2023 tăng 0,1% mom/0,2% trong tháng 11/2023/dự báo 0% và quý IV/2023 giảm 3,1% qoq.**

##### Trung Quốc:

##### Tăng trưởng kinh tế

**Quý IV/2023 (so với quý trước/so với dự báo)**

QoQ: +1%/1,5%/1%

YoY: +5,2%/4,9%/5,3%

**Cả năm 2023:**

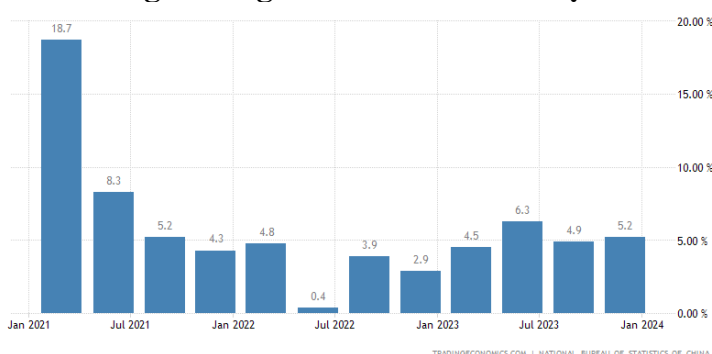
+5,2%/3% năm 2022/mục tiêu khoảng 5%.

**Thất nghiệp 2023 giảm còn 5,2%** (từ mức 5,6% năm 2022) – giảm nhiều hơn mục tiêu đề ra (5,5%).

**Doanh số bán lẻ tháng 12/2023 tăng 7,4% yoy,** thấp hơn mức 10,1% của tháng trước và mức dự báo khoảng 8%.

*Nguồn: BLS/Tradingeconomics*

##### Tăng trưởng kinh tế dưới mức dự báo

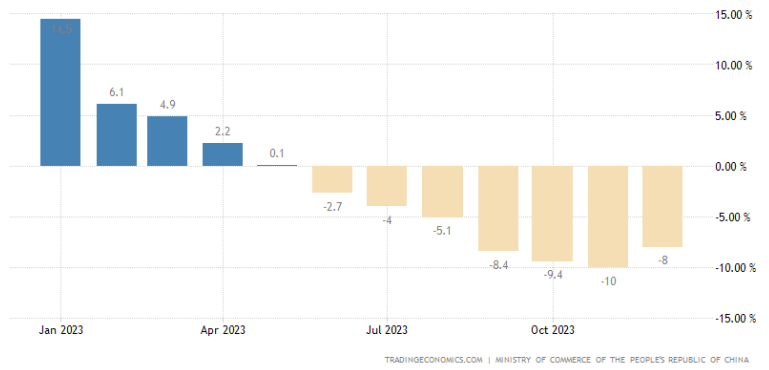


##### FDI chưa hồi phục

**FDI năm 2023 giảm 8% yoy** còn khoảng trên 157 tỷ USD, dấu hiệu cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài chưa hoàn toàn trở lại sau đại dịch Covid-19.

**Sản lượng công nghiệp tháng 12/2023 tăng mạnh nhất trong vòng 22 tháng**

YoY: +6,8%, vượt mức tháng trước và dự báo (6,6%) – mức tăng mạnh nhất từ tháng 2/2022. Cả năm, sản lượng công nghiệp tăng 4,6% yoy.



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

**Nhật Bản:**

**Lạm phát giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2023 tụt xuống mức thấp nhất 17 tháng**

CPI tháng 12/2023 giảm tốc còn 2,6% yoy, thấp hơn tháng trước (2,8%). Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 7/2022 khi giá lương thực tăng ít nhất trong 14 tháng, giá nhiên liệu, chất đốt giảm 11 tháng liền.

So với tháng trước, CPI cũng chỉ tăng 0,1% (tháng 11 là 0%).

CPI lõi giảm tốc còn 2,3% yoy- mức thấp nhất trong 18 tháng gần đây (thấp hơn so với mức tháng 11 là 2,5%).

Lạm phát giá sản xuất (PPI) không tăng:

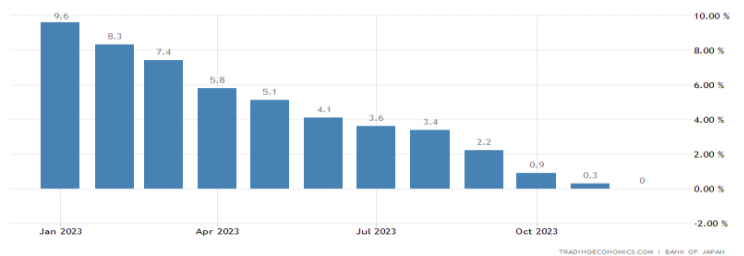
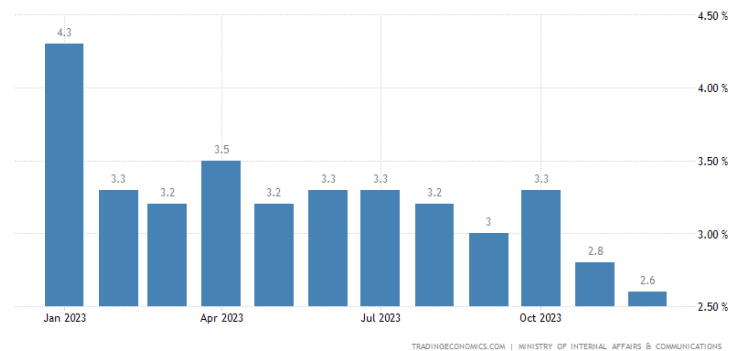
YoY: +0% yoy, tháng trước – 0,3%/dự báo giảm 0,3%.

MoM: +0,3%, tương đương tháng trước.

**Sản lượng công nghiệp (IP) tháng 11/2023 giảm lần đầu tiên sau 3 tháng**

IP giảm 0,9% mom/tháng trước tăng 1,3% và giảm 1,4% yoy – lần giảm đầu tiên trong 3 tháng gần đây, tháng 11 còn tăng 1,1%.

**Lạm phát đang giảm tốc nhanh**



Nguồn: Nikkei/Tradingeconomics

**Giá hàng hóa thế giới tuần qua**

**Giá vàng thế giới tuần qua**

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay tăng gần 0,3% lên 2.027,98 USD/oz, nhưng vẫn giảm 1% trong tuần này. Hợp đồng vàng tương lai tăng 0,5% lên 2.030,6 USD/oz.

Chỉ số của đồng USD tăng gần 1% trong tuần. Đồng USD mạnh hơn khiến vàng đắt đỏ hơn đối với người nắm giữ ngoại tệ.

**Giá dầu thị trường quốc tế tuần qua**

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần, hợp đồng dầu Brent giảm 10 cent xuống 79 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI giảm 10 cent còn 73,98 USD/thùng.

Tuần qua, hợp đồng dầu WTI tăng 2%, còn hợp đồng dầu Brent tăng 1%.

OPEC giữ nguyên dự báo về nhu cầu dầu toàn cầu, năm 2024 nhu cầu tăng trưởng sẽ là 2,2 triệu thùng/ngày, không thay đổi so với báo cáo tháng trước, và 1,8 triệu thùng/ngày vào năm 2025.

OPEC dự đoán tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ tăng trong năm tới và đạt 2,8% do các ngân hàng trung ương dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất bắt đầu từ nửa cuối năm 2024.

Nguồn: OPEC/Kitco

## II. Thị trường tài chính NHTW các nước

## **FED: Có thể bắt đầu hạ lãi suất vào quý 3/2024.**

Chủ tịch Fed khu vực Chicago, Austan Goolsbee nêu quan điểm rằng Fed cần thêm dữ liệu lạm phát trước khi đưa ra bất kỳ quyết định hạ lãi suất nào.

Chủ tịch Fed khu vực Atlanta, Raphael Bostic cho rằng thời điểm Fed hạ lãi suất có thể bắt đầu vào quý 3/2024.

## **ECB: Có thể có 5 đợt cắt giảm tới 140 điểm cơ bản**

Chủ tịch ECB Christine Lagarde cho biết: Nhiều khả năng ECB sẽ cắt giảm lãi suất vào mùa hè nhưng ECB còn phụ thuộc vào dữ liệu kinh tế để ra quyết định, do đó vẫn còn nhiều sự không chắc chắn và một số chỉ báo vẫn chưa đạt tới mức kỳ vọng.

*(Trả lời phỏng vấn của Bloomberg tại Davos)*

## **PBoC:**

Ngày 15/01/2024, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) quyết định giữ nguyên lãi suất chính sách trung hạn, dù có dấu hiệu đồng tiền yếu hơn tiếp tục hạn chế phạm vi nói lỏng tiền tệ.

LÃI SUẤT HIỆN HÀNH	XÁC SUẤT ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT(%)		
	HIỆN TẠI *	TUẦN TRƯỚC 12/01/2024	THÁNG TRƯỚC 21/12/2023
500-525	2.6%	5.2%	14.5%
525-550 (Current)	97.4%	94.8%	85.5%

\* Dữ liệu đến ngày 20/01/2024 của CME

*Nguồn:*

Sau các nhận định của Chủ tịch ECB, thị trường cũng bớt lạc quan về việc cắt giảm lãi suất của NHTW châu Âu với dự báo ECB sẽ cắt giảm khoảng 140 điểm cơ bản trong năm nay, tương đương 5 đợt giảm 25 điểm cơ bản.

*Nguồn: Reuters/ECB*

PBOC giữ lãi suất đối với các khoản vay trung hạn (MLF) đối với một số tổ chức tài chính không thay đổi ở mức 2,5%.

## **B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC**

### **I. Kinh tế vĩ mô**

#### **Quốc hội khóa XV thông qua dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi)**

Với 450/477 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội đã thông qua dự án Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi).

#### **Chỉ thị 01/CT-NHNN và nhiệm vụ của ngành ngân hàng TPHCM năm 2024**

Chỉ thị nêu rõ 8 mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát của ngành Ngân hàng trong năm 2024 nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý.

Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) được thông qua quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ.

*Nguồn: chinhphu.vn*

#### **3 mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát hàng đầu là:**

*Một là*, điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát mục tiêu năm 2024 bình quân khoảng 4-4,5%, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng.

*Hai là*, điều hành tín dụng hài hòa với diễn biến kinh tế vĩ mô nhằm góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm

soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hoạt động của TCTD. Điều hành tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống các TCTD năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế; nghiên cứu đổi mới công tác điều hành tăng trưởng tín dụng.

Ba là, triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”, góp phần phát triển hệ thống các TCTD hoạt động lành mạnh, chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và tiệm cận, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Tập trung thực hiện có hiệu quả phương án xử lý các TCTD yếu kém, triển khai cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

Chỉ đạo các TCTD đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ xấu; nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh.

*Nguồn: NHNN*

## **Phối hợp thanh tra, giám sát thị trường vàng**

Sau Công điện 1426/CĐ-TTg ngày 27/12/2023 về các giải pháp quản lý thị trường vàng của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước điều hành, không để giá vàng trong nước chênh cao với thế giới, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có Công văn số 345/NHNN-QLNH gửi Bộ Tài chính và công văn 10035/NHNN-QLNH gửi Bộ Công an về việc phối hợp trong công tác quản lý thị trường vàng.

Ngân hàng Nhà nước cũng đang đánh giá việc triển khai Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý thị trường vàng, sẽ trình báo cáo tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số cơ chế quản lý thị trường vàng phù hợp với bối cảnh mới.

*Cụ thể:*

- Tổng cục Quản lý thị trường (Bộ Công Thương) tăng cường thanh tra, giám sát thị trường, xử lý và cung cấp thông tin các hành vi vi phạm, đặc biệt trong hoạt động mua, bán vàng nguyên liệu và vàng miếng.

- Bộ Công an phối hợp hạn chế tình trạng một số doanh nghiệp lợi dụng giá vàng tăng cao để đầu cơ, trục lợi, nhập lậu vàng qua biên giới gây xáo trộn thị trường.

- Bộ Tài chính tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc phát hành, sử dụng hóa đơn chứng từ trong hoạt động kinh doanh mua, bán vàng; xử lý nghiêm hành vi phát hành, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

*Nguồn: NHNN*

## **II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ**

### **2.1. Thị trường tiền tệ**

#### **Tuần 3 (15/01-19/01/2024)**

- Lãi suất VND liên ngân hàng có sự phân hóa, và duy trì thấp với kỳ hạn qua đêm.

- NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.

- Lãi suất VND liên ngân hàng có sự phân hóa nhẹ ở các kỳ hạn. Chốt ngày 19/01/2024, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 0,19% (-0,01 điểm phần trăm); 1 tuần 0,30% (không thay đổi); 2 tuần 0,58% (+0,03 điểm phần trăm); 1 tháng 1,26% (-0,02 điểm phần trăm).

- Trên thị trường mở tuần từ 15-19/1, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày, với khối lượng là 5.000 tỷ đồng, lãi suất đều ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu và đồng thời cũng không có khối lượng đáo hạn từ thị trường.

*Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp*



## 2.2. Thị trường ngoại hối Tuần 3 (15/01-19/01/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.
- Chỉ số USD Index về quanh mốc 103 điểm.

## 2.3. Thị trường trái phiếu

### Thị trường sơ cấp TPCP& TP CBLCP: Tuần 3 (15/01-19/01/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **3.319/8.250** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ là gần 40%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 5 năm - lãi suất 1,39 % (*giảm 0,11 điểm %*); 10 năm - lãi suất 2,2 % (*tăng 0,05 điểm %*); 15 năm - lãi suất 2,4 % (*tăng 0,05 điểm %*); 30 năm - lãi suất 2,85 % (*giảm 0,15 điểm % so với cuối năm 2023*)

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **9.258** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

### Thị trường TPDN:

## 2.4. Thị trường cổ phiếu

### Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua thanh khoản các sàn đạt bình quân 15.833 tỷ đồng/phiên.

*VN-Index* ở phiên cuối tuần là 1181,50 điểm (+26,8 điểm; +2,32%) và *HNX-Index* đóng cửa ở 229,48 điểm (-0,83 điểm; -0,36%) so với phiên cuối tuần trước.

- Trong tuần từ 15-19/1, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh giảm nhẹ đầu tuần rồi tăng mạnh 2 phiên cuối. Chốt ngày 19/01/2024, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.037 VND/USD, tăng 61 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Sở Giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua USD ở mức 23.400 VND/USD, trong khi đó giá mua USD cuối tuần được niêm yết ở mức 25.188 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

- Tỷ giá USD-VND liên ngân hàng tiếp tục biến động tăng trong tuần qua. Kết thúc phiên 19/1, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa tại mức 24.536 VND/USD, tăng tiếp 37 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

*Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp*

### Thị trường thứ cấp TPCP&TP CBLCP: Tuần 3 (15/01-19/01/2024)

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 8.650 tỷ đồng/phiên, giảm 11,94% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

Kỳ hạn	Biến động	Giá trị	Đơn vị
5 năm	giảm	0,10	điểm%
7 năm	giảm	0,01	điểm%
10 năm	tăng	0,05	điểm%
15 năm	tăng	0,05	điểm%
30 năm	tăng	0,3	điểm%

Tuần qua NĐT NN không có giao dịch.

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)
<b>Tuần 3 (15/01-19/01/2024)</b>	+320.74
Tháng 12-2023	-195
Q4 - 2023	-142
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 18.048 tỷ VND (Khối lượng 48.003), Lũy kế 3 tuần đầu tháng 01/2024 đạt giá trị 43.152 tỷ VND (KL đạt 121.645).

*Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp*

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu<sup>1</sup>/GDP<sup>2</sup> tại ngày 19/01/2024 là 60,5%, tăng 0,65 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã mua ròng trên 3 sàn hơn 390 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 953 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 19/01/2024: 6,173 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK năm 2023: 10,207,3 triệu tỷ VND.

*Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp*

**PHỤ LỤC**  
**VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH**

**I. VĂN BẢN BAN HÀNH**

<b>Cơ quan</b>	<b>Văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Ngày hiệu lực</b>	<b>Nguồn</b>
TTCP	Quyết định 71/QĐ-TTg năm 2024 sửa đổi Quyết định 68/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	17/01/2024	17/01/2024	<a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban-moi?page=1">https://thuvienphapluat.vn/van-ban-moi?page=1</a>
NHNN	Chỉ thị 01/CT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2024	15/01/2024	15/01/2024	<a href="https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=10">https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=10</a>

**II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO**

<b>Cơ quan</b>	<b>Văn bản</b>	<b>Ngày bắt đầu xin ý kiến</b>	<b>Ngày hết hạn xin ý kiến</b>	<b>Nguồn</b>
QH	Dự thảo Luật Đất đai (Lần thứ 5)	18/01/2024		<a href="https://luatvietnam.vn/du-thao.html">https://luatvietnam.vn/du-thao.html</a>
CP	Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giá	17/01/2024		<a href="https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban/du-thao-dang-lay-y-kien">https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban/du-thao-dang-lay-y-kien</a>
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thuế, phí, lệ phí, phạt vi phạm hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính, thương mại điện tử	17/01/2024		<a href="https://luatvietnam.vn/du-thao.html">https://luatvietnam.vn/du-thao.html</a>
BTC	Dự thảo Thông tư quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá	16/01/2024		
BTC	Dự thảo Thông tư quy định Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thẩm định giá bất động sản	16/01/2024		<a href="https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban/du-thao-dang-lay-y-kien">https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban/du-thao-dang-lay-y-kien</a>
BTC	Dự thảo Thông tư Quy định chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thẩm định giá tài sản vô hình	16/01/2024		<a href="https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban/du-thao-dang-lay-y-kien">https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban/du-thao-dang-lay-y-kien</a>
BTC	Dự thảo Thông tư Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động thẩm định giá, chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá	18/01/2024		